

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ T11.2017

Các cổ phiếu thuộc sàn HSX

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ABT			ABT
2	BBC			BBC
3	BCI			BCI
4	BIC			BIC
5	BID			BID
6	BMC			BMC
7	BMI			BMI
8	BMP			BMP
9	BTT			BTT
10	BVH			BVH
11	C32			C32
12	C47			C47
13	CII			CII
14	CNG			CNG
15	CSM			CSM
16	CTD			CTD
17	CTG			CTG
18	DHA			DHA
19	DHC			DHC
20	DHG			DHG
21	DIG			DIG
22	DMC			DMC
23	DPM			DPM
24	DPR			DPR
25	DQC			DQC
26	DRC			DRC
27	DSN			DSN
28	DVP			DVP
29	DXG			DXG
30	EVE			EVE
31	FCM			FCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
32	FCN			FCN
33	FMC			FMC
34	FPT			FPT
35	GAS			GAS
36	GDT			GDT
37	GMC			GMC
38	GMD			GMD
39	GSP			GSP
40	HAR			HAR
41	HBC			HBC
42	HCM			HCM
43	HHS			HHS
44	HPG			HPG
45	HSG			HSG
46	HT1			HT1
47	HTI			HTI
48	HTL			HTL
49	IDI			IDI
50	IJC			IJC
51	IMP			IMP
52	ITD			ITD
53	KDC			KDC
54	KDH			KDH
55	KHA			KHA
56	KSB			KSB
57	LBM			LBM
58	LGC			LGC
59	LIX			LIX
60	LSS			LSS
61	MBB			MBB
62	MSN			MSN
63	NNC			NNC
64	NSC			NSC
65	OPC			OPC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
66	PAC			PAC
67	PAN			PAN
68	PDN			PDN
69	PET			PET
70	PGC			PGC
71	PGD			PGD
72	PGI			PGI
73	PHR			PHR
74	PNJ			PNJ
75	PTB			PTB
76	PVT			PVT
77	REE			REE
78	SAM			SAM
79	SBA			SBA
80	SBT			SBT
81	SFI			SFI
82	SHI			SHI
83	SJD			SJD
84	SRC			SRC
85	SSC			SSC
86	SSI			SSI
87	ST8			ST8
88	STB			STB
89	STG			STG
90	SVC			SVC
91	SZL			SZL
92	TBC			TBC
93	TCL			TCL
94	TCM			TCM
95	TCO			TCO
96	TIX			TIX
97	TLG			TLG
98	TMP			TMP
99	TMS			TMS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
100	TNC			TNC
101	TRC			TRC
102	TYA			TYA
103	VCF			VCF
104	VHC			VHC
105	VIC			VIC
106	VIP			VIP
107	VNM			VNM
108	VSC			VSC
109	VSH			VSH
110	VTO			VTO
111	NKG			NKG
112	NLG			NLG
113	LHG			LHG
114	ACC			ACC
115	CLL			CLL
116	COM			COM
117	MWG			MWG
118	ELC			ELC
119	VSI			VSI
120	MHC			MHC
121	SFG			SFG
122	CAV			CAV
123	RDP			RDP
124	CSV			CSV
125	HAH			HAH
126	NCT			NCT
127	DCM			DCM
128	HAX			HAX
129	DRH			DRH
130	NT2			NT2
131	DAG			DAG
132	TCT			TCT
133	LM8			LM8

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
134	VFG			VFG
135	SJS			SJS
136	TNA			TNA
137	TLH			TLH
138	CHP			CHP
139	KBC			KBC
140	AAA			AAA
141	SHA			SHA
142	SCR			SCR
143	HDC			HDC
144	FLC			FLC
145	CMG			CMG
146	UIC			UIC
147	CTI			CTI
148	RAL			RAL
149	BFC			BFC
150	ASM			ASM
151	TCH			TCH
152	LDG			LDG
153	VNS			VNS
154	NVL			NVL
155	VNE			VNE
156	SAB			SAB
157	VIS			VIS
158	SHP			SHP
159	D2D			D2D
160	ANV			ANV
161	DGW			DGW
162	LCG			LCG
163	PC1			PC1
164	PPC			PPC
165	SMC			SMC
166	VJC			VJC
167	PDR			PDR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
168	DLG			DLG
169	FIT			FIT
170	HAI			HAI
171	HQC			HQC
172	ITA			ITA
173	TSC			TSC
174	SFC	SFC		
175	SC5	SC5		

Các cổ phiếu thuộc sàn HNX

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ACB			ACB
2	CEO			CEO
3	CTS			CTS
4	CVT			CVT
5	DHP			DHP
6	DXP			DXP
7	EBS			EBS
8	ECI			ECI
9	HAD			HAD
10	HLD			HLD
11	HTC			HTC
12	HTP			HTP
13	HUT			HUT
14	IDV			IDV
15	INN			INN
16	L14			L14
17	LAS			LAS
18	LHC			LHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
19	MAC			MAC
20	MCC			MCC
21	NBP			NBP
22	NDN			NDN
23	NET			NET
24	NHC			NHC
25	NTP			NTP
26	PCT			PCT
27	PMC			PMC
28	PVI			PVI
29	PVS			PVS
30	QHD			QHD
31	RCL			RCL
32	S55			S55
33	SAF			SAF
34	SGC			SGC
35	SHB			SHB
36	SSM			SSM
37	THB			THB
38	TNG			TNG
39	TTC			TTC
40	VCS			VCS
41	VDL			VDL
42	VE3			VE3
43	VGS			VGS
44	VLA			VLA
45	VND			VND
46	VNR			VNR
47	VTV			VTV
48	WCS			WCS
49	VCG			VCG
50	WSS			WSS
51	VMI			VMI
52	ADC			ADC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
53	CAP			CAP
54	DAD			DAD
55	DGC			DGC
56	PMS			PMS
57	NDX			NDX
58	NAG			NAG
59	PBP			PBP
60	VIT			VIT
61	TTB			TTB
62	TVC			TVC
63	VC3			VC3
64	HHG			HHG
65	PHC			PHC
66	HVT			HVT
67	SHN			SHN
68	KKC			KKC
69	DNP			DNP
70	CTP			CTP
71	TA9			TA9
72	VGC			VGC
73	MBS			MBS
74	SHS			SHS
75	NVB			NVB
76	KLF			KLF
77	TET	TET		
78	VNT	VNT		
79	TJC	TJC		
80	POT	POT		
81	BTS	BTS		